

TAND TỈNH KIÊN GIANG  
TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ QUỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15/2018/DS-ST  
Ngày: 24-8-2018  
“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng (vay tài sản)”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC-TỈNH KIÊN GIANG**  
**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Triệu*

*Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Nguyễn Thị Thu Ba**

**2. Ông Lương Công Chủ**

*Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Chung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.*

*Đại diện Viện sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST-DS ngày 08/02/2018 về: Tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-DS ngày 19/7/2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở chính: phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài A – chức vụ: Giám đốc chi nhánh PQ

Địa chỉ: Ngân hàng thương mại cổ phần A chi nhánh PQ – Khu phố 1, thị trấn DD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

Người được ông A ủy quyền lại: Ông Huỳnh Quang Th – Phó phòng kiểm

soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần A chi nhánh Phú Quốc.

Địa chỉ: Ngân hàng thương mại cổ phần A chi nhánh Phú Quốc – Khu phố 1, thị trấn ĐĐ, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Ông Uông Ngọc B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn AT, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay (tạm trú): Tổ 4, ấp BT, xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

*(ông Th và ông B có mặt tại phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2017, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Quang Th trình bày:

Ngày 31/08/2016, Ông B có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi Nhánh PQ (gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD1624400188 (bao gồm phụ lục lịch trả nợ và phụ lục các điều khoản chung được gọi chung là Hợp đồng) cùng với các chứng từ như: giấy đề nghị vay vốn, giấy đề nghị xác nhận thông tin vay vốn của CBNV và giấy cam kết trích thu nhập để trả nợ vay ngân hàng.

Căn cứ thu nhập của Ông B, Ngân hàng đã đồng ý cấp tín dụng với hạn mức là 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, kể từ ngày 31/08/2016 đến ngày 10/12/2016, ông B đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 8.649.000 đồng bao gồm 6.249.000 đồng vốn gốc và 2.400.000 đồng tiền lãi.

Bắt đầu từ ngày 10/01/2017 đến nay qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở và có văn bản thông báo nhưng Ông B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo (“Điều 2 khoản a của phụ lục các điều khoản chung đính kèm hợp đồng tín dụng”) và dựa vào (“Điều 2 khoản (d) và Điều 6 khoản (i)”).

Tính đến khi khởi kiện ngày 01/12/2017, Ông B còn nợ các khoản như sau: Hạn mức tín dụng cho vay tín chấp, Vốn gốc: 93.751.000 đồng; lãi phải trả: 10.978.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 104.729.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm lẻ bốn triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng*)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc yêu cầu ông Bảo có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để Ông B trả nợ, tuy nhiên Ông B vẫn chưa thanh

toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Ưông Ngọc B phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử 24/8/2017 như sau: tổng số tiền phải trả là 117.191.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: LD1624400188 ngày 31/8/2016 trong đó nợ gốc là 93.751.000 đồng, lãi trong hạn quá hạn là 16.000.000 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn 7.440.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Ưông Ngọc B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/8/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

**- Bị đơn ông Ưông Ngọc B trình bày:** Ông B thừa nhận việc Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện là đúng. Vào ngày 31/08/2016, ông B có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A- Chi nhánh Phú Quốc căn cứ thu nhập của ông B, Ngân hàng đã đồng ý cấp tín dụng với hạn mức là 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Kể từ ngày 31/08/2016 đến ngày 10/12/2016, sau khi vay vốn ông B đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 8.649.000 đồng bao gồm 6.249.000 đồng vốn gốc và 2.400.000 đồng tiền lãi. Bắt đầu từ ngày 10/01/2017 đến nay do ông B không còn việc làm, bị thất nghiệp nên không có khả năng trả nợ. nay đề nghị được trả dần số tiền nêu trên hoặc khi có công việc ổn định sẽ thanh toán hết số tiền nêu trên cho phía Ngân hàng

Nay ông B đồng ý hoàn trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 23/8/2018 tổng cộng là 117.191.000 đồng Tuy nhiên do chưa có việc làm ổn định nên ông B yêu cầu khi có việc làm và có thu nhập ông B sẽ trả dần số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số: LD1624400188 ngày 31/8/2018.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) giữa Ngân hàng TMCP A với ông Ưông Ngọc B nhằm mục đích tiêu dùng không mang tính lợi nhuận đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 31/08/2016, căn cứ thu nhập của ông B phía Ngân hàng TMCP A- Chi Nhánh Phú Quốc (gọi tắt là Ngân hàng) có cấp tín dụng theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD1624400188 (bao gồm phụ lục lịch trả nợ và phụ lục các điều khoản chung được gọi chung là Hợp đồng) cùng

với các chứng từ như: giấy đề nghị vay vốn, giấy đề nghị xác nhận thông tin vay vốn của CBNV và giấy cam kết trích thu nhập để trả nợ vay ngân hàng với hạn mức là 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, kể từ ngày 31/08/2016 đến ngày 10/12/2016, sau khi vay vốn, ông B đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 8.649.000 đồng bao gồm 6.249.000 đồng vốn gốc và 2.400.000 đồng tiền lãi nhưng bắt đầu từ ngày 10/01/2017 đến nay ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Uông Ngọc B trả số tiền tổng cộng là 117.191.000 đồng tạm tính đến ngày 24/8/2018 trong đó nợ gốc là 93.751.000 đồng, lãi trong hạn quá hạn là 16.000.000 đồng, lãi quá hạn và lãi phạt quá hạn 7.440.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết, thể hiện rõ số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất, Ngân hàng TMCP A đã thực hiện nghĩa vụ cho vay nhưng ông Uông Ngọc B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho phía Ngân hàng. Hội đồng xét xử nghị buộc ông B phải trả số nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP A là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy yêu cầu của bị đơn Uông Ngọc B về việc xin chậm trả không có cơ sở để xem xét bởi lẽ phía Ngân hàng không chấp nhận cho trả chậm.

[3] Về án phí: Do ông Uông Ngọc B có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A nên án phí tính trên số số tiền buộc phải trả  $117.191.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.859.550 \text{ đồng}$ .

Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện được chấp nhận nên được nhận lại số tiền án phí tạm nộp.

***Vì các lẽ trên.***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

2. Buộc ông Ưông Ngọc B có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 117.191.000 đồng (một trăm mười bảy triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng) tạm tính đến ngày 24/8/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án chậm trả các khoản tiền trên thì hành tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng số LD1624400188 ngày 31/8/2018 tương ứng với thời gian và khoản tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Ông Ưông Ngọc B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.859.550 đồng (năm triệu tám trăm năm mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.918.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002877 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Phú Quốc;
- THADS Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Trần Ngọc Triệu**